Phap Cu Pali-Anh-Viet - 22

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

Phap Cu Pali-Anh-Viet - 22

Vietnamese, with Unicode Times font

Thi kệ Pháp Cú - Dhammapada

Pali - Anh (Narada) - Việt (Tịnh Minh)

Phẩm XXII

NIRAYA VAGGA - WOEFUL STATE - PHẨM ĐỊA NGỤC

Abhuutavaadii niraya.m upeti yo c-aapi katvaa na karomii-ti c-aaha

Ubho-pi te pecca samaa bhavanti nihiinakammaa manujaa parattha. -- 306

The speaker of untruth goes to a woeful state,

and also he who, having done aught, says, "I did not".

Both after death become equal,

men of base actions in the other world. -- 306

306. Người mồm miệng láo khoét,

Kẻ làm rồi nói không.

Cả hai chết tương đồng,

Đê tiện, đọa địa ngục.

Kaasaavaka.n.thaa bahavo paapadhammaa asa~n~nataa

Paapaa paapehi kammehi niraya.m te upapajjare. -- 307

Many with a yellow robe on their necks

are of evil disposition and uncontrolled.

Evil-doers on account of their evil deeds

are born in a woeful state. -- 307

307. Nhiều người khoác cà sa,

Ác hạnh, không điều phục,

Kẻ ác, do nghiệp thúc,

Phải đọa địa ngục thôi.

Seyyo ayogu.lo bhutto tatto aggisikh-uupamo

Better to swallow a red-hot iron ball

(which would consume one) like a flame of fire,
than to be an immoral and uncontrolled person
feeding on the alms offered by people. -- 308
308. Thà nuốt hòn sắt nóng,
Như ngọn lửa hừng hừng,
Hơn phá giới buông lung,
Sống nhờ cơm tín thí.
Cattaari .thaanaani naro pamatto
Aapajjati paradaaruupasevii
Four misfortunes befall a careless man
who commits adultery:
- Acquisition of demerit, disturbed sleep,
thirdly blame, and fourthly a state of woe. -- 309
309. Bốn tai họa ập đến,
Hành hạ kẻ ngoại tình,
Mang tiếng, ngủ không an.
Bị chê, đọa địa ngục.
Apu~n~nalaabho ca gatii ca paapikaa
Bhiitassa bhiitaaya ratii ca thokikaa
Tasmaa naro paradaara.m na seve. -- 310
There is acquisition of demerit as well as evil destiny.
Brief is the joy of the frightened man and woman.
The King imposes a heavy punishment.
Hence no man should frequent another's wife. -- 310
310. Mang tiếng, đọa ác thú,
Lo sợ, tâm ít vui,
Quốc vương phạt trọng tội,
Kẻ gian díu vợ người.
Kuso yathaa duggahito hatthamevaanukantati
Just as kusa grass, wrongly grasped, cuts the hand,

even so the monkhood wrongly handled

drags one to a woeful state. -- 311

311. Vụng nắm cỏ cu-xa,

Là tay ta bị cắt,

Hạnh sa môn, tà hoặc,

Tất đoạn địa ngục thôi.

Ya.m

Any loose act, any corrupt practice, a life of dubious holiness

- none of these is of much fruit. -- 312

312. Sống buông lung phóng dật,

Chạy theo thói nhiễm ô,

Hoài nghi đời phạm hạnh,

Thành quả đạt chi mô!

Kayiraa

Sa.thilo hi paribbaajo bhiyyo aakirate raja.m. -- 313

If aught should be done, let one do it.

Let one promote it steadily,

for slack asceticism

scatters dust all the more. -- 313

313. Nếu việc cần phải làm,

Hãy quyết làm hết sức;

Thiếu công phu, nghị lực,

Chỉ tung cát bụi mù!

Akata.m dukkata.m seyyo pacchaa tapati dukkata.m

An evil deed is better not done:

a misdeed torments one hereafter.

Better it is to do a good deed,

after doing which one does not grieve. -- 314

314. Chớ phạm phải điều ác,

Làm ác khổ vô vàn,

Việc thiện nên chu toàn,

Làm xong khỏi ân hận.

Nagara.m

Kha.naatiitaa hi socanti nirayamhi samappitaa. -- 315

Like a border city,

guarded within and without,

so guard yourself.

Do not let slip this opportunity,

for they who let slip the opportunity

grieve when born in a woeful state. -- 315

315. Như thành sát biên thùy,

Trong ngoài canh nghiêm mật,

Hãy phòng hộ chính mình,

Đừng để cơ hội mất.

Ai để cơ hội mất,

Đọa địa ngục khổ đau.

Alajjitaaye lajjanti lajjitaaye na lajjare

Micchaadi.t.thisamaadaanaa sattaa gacchanti duggati.m. -- 316

Beings who are ashamed

of what is not shameful,

and are not ashamed

of what is shameful,

embrace wrong views

and go to a woeful state. -- 316

316. Việc đáng hổ không hổ,

Việc không đáng lại hổ,

Do ôm ấp tà kiến,

Chúng sanh bị khốn khổ.

Abhaye bhayadassino bhaye caabhayadassino

Micchaadi.t.thisamaadaanaa sattaa gacchanti duggati.m. -- 317

Beings who see fear

in what is not to be feared,

and see no fear in the fearsome,

embrace false views

and go to a woeful state. -- 317

317. Việc đáng kinh không kinh,

Việc không đáng lại kinh,

Do ôm ấp tà kiến,

Chúng sanh bị ngục hình.

Avajje vajjamatino vajje c-aavajjadassino

Micchaadi.t.thisamaadaanaa sattaa gacchanti duggati.m. -- 318

Beings who imagine faults in the faultless

and perceive no wrong in what is wrong,

embrace false views and go to a woeful state. -- 318

318. Không lỗi lại tưởng có,

Có lỗi lại thấy không,

Do ôm ấp tà kiến,

Chúng sanh khổ vô ngần.

Vajja.m ca vajjato ~natvaa avajja.m ca avajjato

Sammaadi.t.thisamaadaanaa sattaa gacchanti suggati.m. -- 319

Beings knowing wrong as wrong

and what is right as right,

embrace right views and go to a blissful state. -- 319

319. Có lỗi biết rằng có,

Không lỗi biết rằng không,

Nhờ hàm dưỡng chánh kiến,

Chúng sanh sướng vô ngần.

TỪ VỰNG VÀ THÀNH NGỮ ANH-VIỆT

(a): adjective; (adv): adverb; (conj): conjunction;

(n): noun; (prep): preposition; (v): verb

Verse - Kệ 306

Liar (n) : Kẻ nói dối,

Depart (v) : Chết.

Base (a) : Hèn hạ, đê hèn.

Verse - Kệ 307

Disposition (n) : Tính tình, tâm tính.

On account of : Vì, do vì.

Woeful (a) : Thống khổ.

Woeful state : Cõi thống khổ, địa ngục.

Verse - Kệ 309

Misfortune (n) : Sự bất hạnh, tai họa.

Commit (v) : Vi phạm, phạm phải.

Adultery (n) : Tội ngoại tình.

Acquisition (n) : Sự đạt được.

Demerit (n) : Khuyết điểm, lỗi lầm.

Blame (n) : Sự chê bai, sự khiển trách.

Verse - Kệ 310

Impose (v) : Bắt chịu, áp đặt.

Frequent (v) : Hay lui tới, dan díu với.

Verse - Kệ 311

Handle (v) : Điều khiển, quản lý.

Drag (v) : Lôi kéo.

Verse - Kệ 312

Observance (n) : Sự tuân thủ, sự tôn trọng

Dubious (a) : Nghi ngờ

Verse - Kệ 313

Aught (n) : Bất cứ việc gì, cái gì.

Promote (v) : Đẩy mạnh, xúc tiến.

Might (n) : Sức mạnh, năng lực.

Slack (a) : Uể oải, bê trễ, lỏng lẻo.

Asceticism (n) : Công phu tu tập.

Scatter (v) : Tung vãi.

Verse - Kệ 314

Torment (v) : Gây đau khổ, giày vò.

Repent (v) : Ăn năn, hối hận.

Verse - Kệ 315

Border (n) : Bờ, biên giới.

Guard (v) : Canh gác, bảo vệ.

Slip (v) : Trượt, tuột,

Consign (v) : Ủy thác, giao phó.

Verse - Kệ 316

Fearsome (a) : Sợ hãi.

Embrace (v) : Ôm ấp, hàm dưỡng.

False views (n) : Tà kiến.

Verse - Kệ 319

Righ views (n) : Chánh kiến.

-ooOoo-

Đầu trang | Mục lục | 01 | 02
| 03 | 04 | 05
| 06 | 07 | 08
| 09 | 10 |
11 | 12 | 13
| 14 | 15 | 16
| 17 | | 18 | 19
| 20 | 21 | 22 | 23
| 24 | 25 | 26

Chân thành cám ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 07-2001).

[Trở về trang Thư Mục]

updated: 01-08-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.